

## ỨNG PHÓ VỚI HIỂM HỌA THIÊN TAI Ở VIỆT NAM: MỘT BỨC TRANH, NHIỀU MÀU SẮC<sup>1</sup>

**TS. Emmanuel Pannier**

**Viện Nghiên cứu phát triển Pháp (IRD)**

**TS. Nguyễn Công Thảo**

**Viện Dân tộc học**

**Email: emmanuel.pannier@ird.fr**

**Tóm tắt:** Bài viết điếm qua một số xu thế thiên tai ở Việt Nam trong những thập niên trở lại đây cũng như chiến lược ứng phó từ góc độ chính sách, trong đó đặc biệt thảo luận đến hoạt động ứng phó ở cấp độ địa phương, nhấn mạnh đến tính đa dạng của chúng trong sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như nhận thức về thiên tai từ phía các bên liên quan. Qua phân tích 6 nghiên cứu trường hợp, bài viết chỉ ra thực tế hoạt động ứng phó được thực hành không chỉ xuất phát từ mục tiêu nhằm đối mặt với thiên tai hay thích ứng với hiểm họa hoặc biến đổi khí hậu. Có nhiều động lực và yếu tố khác, ngoài rủi ro môi trường, ảnh hưởng tới việc lựa chọn các chiến lược sinh kế nói chung và ứng phó nói riêng. Chính vì thế, bối cảnh địa phương cần phải được quan tâm khi thiết kế một dự án hay kế hoạch ứng phó với thiên tai.

**Từ khóa:** Ứng phó với thiên tai, đa dạng văn hóa, biến đổi khí hậu, tri thức cộng đồng.

**Abstract:** The article reviews the trends of natural disasters in Vietnam over the past few decades and the response strategies from a policy perspective. It primarily focuses on response activities at the local level and highlights their diversity in terms of natural, economic, cultural, and social conditions, as well as the stakeholders' perceptions of disasters. Through an analysis of six case studies, the article shows that response activities are not only aimed at dealing with natural disasters or adapting to hazards or climate change. Apart from environmental risks, many other drivers and factors influence the choice of livelihood strategies in general and disaster responses in particular. Therefore, the local context must be considered when designing a disaster response plan or project.

**Keywords:** Natural disaster response, cultural diversity, climate change, community knowledge.

Ngày nhận bài: 20/2/2023; ngày gửi phản biện: 9/3/2023; ngày duyệt đăng: 8/4/2023.

---

<sup>1</sup> Dự án GEMMES-VN “Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Tác động và các chiến lược thích ứng” (Cơ Quan Phát Triển Pháp - AFD) góp phần tài trợ cho việc xuất bản các bài tạp chí trong số chuyên đề này.

## 1. Khái quát về rủi ro thiên tai ở Việt Nam

Hiểm họa thiên tai không phải là một hiện tượng mới mà đã hiện hữu từ lâu trong lịch sử phát triển của Việt Nam, đã và đang gây ra nhiều tác động về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Việt Nam được coi là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi thiên tai (IPCC, 2014; World Bank, 2010). Xét theo cách xếp hạng chỉ số rủi ro với thời tiết toàn cầu của Germanwatch, trong giai đoạn từ 1999 đến 2018, Việt Nam đứng thứ 6 trong số các quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu (Eckstein et al, 2020). Theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Luật Phòng, chống thiên tai, các loại hình thiên tai ở Việt Nam bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác. Trong số này, lũ, sạt lở đất cùng với bão, hạn hán gây ra nhiều thiệt hại nhất (McElwee, 2017; Nguyen & Hens, 2019). Thiên tai thường xuyên diễn ra và để lại hậu quả nghiêm trọng nhất ở khu vực miền núi phía Bắc, ven biển miền Trung và các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, rét đậm kéo dài, lũ quét là hai hiện tượng thời tiết cực đoan phổ biến. Ở khu vực miền Trung, các hiện tượng này đa dạng hơn bao gồm: bão, lũ, lũ quét, hạn hán và sạt lở đất. Trong khi đó, các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long phải đối mặt với hiểm họa từ sụt lún đất, xói lở bờ biển và xâm nhập mặn (The World Bank and Asia Development Bank, 2020; Nguyễn Công Thảo chủ biên, 2020).

Trong vài năm trở lại đây, thiên tai ở Việt Nam không chỉ tăng về số lượng mà còn gây ra nhiều thiệt hại trên các phương diện. Năm 2019 và năm 2020, có 16 loại hình thiên tai mang nhiều yếu tố cực đoan, dị thường đã diễn ra trên phạm vi cả nước. Con số này tăng lên 18 vào năm 2021 và 21 vào năm 2022 (Thanh Tùng, 2022). Chỉ riêng trong năm 2022, Việt Nam ghi nhận 1.057 hiện tượng thời tiết cực đoan, trong đó: ở miền Bắc và miền Trung, mưa lớn kéo dài gây sạt lở đất, lũ quét là hiện tượng phổ biến; hạn hán và động đất diễn ra ở các tỉnh Tây Nguyên; trong khi triều cường, gió mạnh, nước biển dâng gây sạt lở diễn ra ngày càng bất thường ở vùng ven biển phía Nam (Tạp chí Khí tượng môi trường, 2023). Theo báo cáo của Tổng cục Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trong năm 2022 thiên tai khiến 175 người chết hoặc mất tích; thiệt hại về kinh tế ước khoảng 19.453 tỷ đồng, gấp 1,6 lần thiệt hại về người và 3,4 lần thiệt hại về kinh tế so với năm 2021 (Văn Ngân, 2022).

Trong bối cảnh thiên tai ngày càng khó lường, gia tăng ảnh hưởng tiêu cực, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách nhằm tăng cường khả năng ứng phó cho người dân, giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra. Về mặt chính sách vĩ mô, Chính phủ đã ban hành Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Môi trường, Luật Lâm nghiệp. Về mặt thể chế, Ban Chỉ đạo phòng, chống thiên tai đã được thành lập từ cấp quốc gia đến cấp xã. Về mặt thực hiện, kế hoạch phòng chống thiên tai được xây dựng ở từng địa phương với nguồn ngân sách được huy động từ không chỉ Nhà nước mà cả các doanh nghiệp, tổ chức khác. Nhờ những chiến lược phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu của Chính phủ, ngay cả trong bối cảnh thiên tai trở nên

khốc liệt hơn, tỷ lệ người chết và mất tích do thiên tai đã giảm 38% trong giai đoạn 2010-2020; mức độ thiệt hại tài sản giảm 29% so với giai đoạn 1998-2007 (Trần Hồng Thái và cộng sự, 2022). Từ góc độ địa phương, các cộng đồng cũng đã có những phương thức ứng phó với từng loại hình thiên tai cũng như điều kiện, nguồn lực sẵn có. Đây chính là chủ đề mà các bài viết trong số tạp chí này cùng tập trung tìm hiểu, phân tích và đánh giá.

Trước đây, các nghiên cứu về ứng phó sau thiên tai ở Việt Nam thường sử dụng những số liệu định lượng và nhìn nhận từ cấp độ vùng hay quốc gia (Reynaud et al, 2013; Dang et al, 2019; Adger et al, 2001), khoảng một thập kỷ trở lại đây, ngày càng có nhiều nghiên cứu trường hợp, sử dụng cách tiếp cận định tính (McElwee, 2010; Ho & Kingsbury, 2020; Delisle & Turner, 2016; Tran, 2020). Những nghiên cứu này đã chỉ ra sự đa dạng về mặt cảnh huống không chỉ giữa các vùng địa lý mà cả trong mỗi vùng. Đầu tiên là tính đa dạng về địa hình tạo ra nhiều tiểu vùng khí hậu hết sức khác biệt ngay cả trên phạm vi địa lý nhỏ (Lê Bá Thảo, 1998). Thứ hai, có sự đa dạng về các loại thiên tai và tác động của chúng. Bên cạnh đó, nhận thức về thiên tai của người dân cũng như năng lực ứng phó của họ cũng không có sự tương đồng. Sự đa dạng này có thể được giải thích theo 3 nhóm yếu tố. Thứ nhất, về mặt địa lý, Việt Nam nằm trải dài từ vĩ tuyến 9 đến vĩ tuyến 25 với cảnh quan và điều kiện địa hình khác nhau (Mc Elwee, 2017; Nguyen & Hens, 2019). Thứ hai, về mặt văn hóa xã hội, với 54 tộc người, Việt Nam cũng có sự đa dạng về lịch sử, thế giới quan, đặc điểm kinh tế cũng như lộ trình phát triển (Nguyen Cong Thao, 2016). Thứ ba, kể từ sau Đổi mới, cũng có sự khác biệt về chất lượng cuộc sống, thu nhập và mức độ hội nhập về kinh tế, chính trị giữa các nhóm xã hội và vùng miền (Dwayne et al, 2017).

## **2. Sự đa dạng trong phương thức ứng phó từ cấp độ cộng đồng**

### **2.1. Chủ đề nghiên cứu**

Với bối cảnh nêu trên, số tạp chí chuyên đề này nhằm xem xét, nhận diện và phản ánh sự đa dạng trong phương thức ứng phó từ cấp độ cộng đồng. Chúng tôi nhấn mạnh đến tính đa dạng ở 2 cấp độ: giữa các vùng và tại mỗi vùng địa lý. Các bài viết là kết quả nghiên cứu trường hợp tại nhiều khu vực, tộc người khác nhau, bao gồm: khu vực miền núi phía Bắc (tại tỉnh Lào Cai, với các tộc người Tày, Dao); khu vực ven biển, miền núi miền Trung (tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Bình và Quảng Ngãi với các tộc người Tà Ôi, Cơ Tu, Bru - Vân Kiều, Kinh); khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (tại tỉnh Bến Tre, với tộc người Kinh). Những hiện tượng thiên tai tại các điểm nghiên cứu này khá đa dạng bao gồm nhiều loại hình như: lũ quét, sạt lở đất, bão, rét đậm, hạn hán, xâm nhập mặn hay sạt lở bờ biển. Nỗ lực của các tác giả không nhằm đưa ra những phân tích mang tính khái quát, đại diện cho các vùng khác ở Việt Nam mà hướng tới việc chỉ ra sự đa dạng trong các phương thức ứng phó đã được triển khai ở cấp độ cộng đồng.

Phương pháp điền dã dân tộc học là công cụ chính để thu thập thông tin trong tất cả các nghiên cứu này. Các tác giả đã tiến hành nhiều đợt nghiên cứu thực địa trong suốt 3 năm: 2020, 2021 và 2022. Các bài viết trong số chuyên đề này là kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ dự án

“*Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: tác động và các chiến lược thích ứng*” (GEMMES-VN: - Climate change in Vietnam: impact and adaptation strategy) với nguồn vốn được cơ quan phát triển Pháp (AFD) và Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD) tài trợ với sự hợp tác của Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## **2.2. Cách tiếp cận và câu hỏi nghiên cứu**

Dù là các nghiên cứu trường hợp tại nhiều tộc người, khu vực địa lý khác nhau, nhưng câu hỏi nghiên cứu chung mà các bài viết đều nỗ lực trả lời đều hướng tới tìm hiểu sự đa dạng của những thích ứng với thiên tai ở cấp độ địa phương là gì? Chính quyền địa phương cũng như người dân đã thích ứng, phản ứng như thế nào trước thiên tai? Yếu tố nào chi phối phương thức ứng phó của họ? Để trả lời được những câu hỏi đó, các tác giả đã tập trung tìm hiểu cách thức các hoạt động thích ứng được lồng ghép vào bối cảnh địa phương và thực hành hàng ngày. Họ cũng làm rõ nhận thức của người dân và chính quyền địa phương về những rủi ro trước thiên tai và các nguồn lực vật chất, phi vật chất mà người dân đã huy động để đối mặt, ứng phó với diễn biến khí hậu. Cuối cùng, thông qua những nghiên cứu trường hợp, các tác giả cũng phản ánh khả năng chống chịu và phục hồi với hiểm họa khí hậu của người dân ở vùng nông thôn Việt Nam.

Điểm chung về mặt tiếp cận và phương pháp của các nghiên cứu này là việc tập trung nghiên cứu những cộng đồng ở quy mô làng bản, thông qua việc triển khai các đợt nghiên cứu điền dã dài ngày, có lập lại để nhận diện những ứng phó của người dân với thiên tai. Cách tiếp cận này giúp làm rõ ảnh hưởng của một số yếu tố như nhân khẩu, xã hội, nguồn lực, quyền lực, quan điểm của người dân có ảnh hưởng như thế nào với việc lựa chọn biện pháp cũng như phương thức ứng phó. Việc giới hạn phạm vi nghiên cứu ở cấp độ làng bản cũng góp phần soi sáng hơn sự kết hợp giữa các yếu tố chi phối những chiến lược ứng phó cụ thể.

## **2.3. Khái quát về các bài viết trong số chuyên đề**

Bài giới thiệu này không đi sâu phân tích, đánh giá từng nghiên cứu cụ thể bởi chúng tôi muốn người đọc tự đưa ra những cảm nhận, đánh giá của mình. Thay vào đó, chúng tôi sẽ tóm tắt nội dung chính của từng bài để trên cơ sở đó đề cập đến các vấn đề tiếp cận, lý luận và phương pháp khi nghiên cứu về ứng phó với thiên tai trong bối cảnh hiện nay cũng như đưa ra một số thảo luận cho việc nghiên cứu về chủ đề ứng phó với thiên tai trong tương lai.

Hai nghiên cứu trường hợp đầu tiên được triển khai ở tỉnh Lào Cai, thuộc khu vực miền núi phía Bắc. Từ hai điểm nghiên cứu khác nhau, nhóm tác giả Emmanuel Pannier, Phan Phương Anh, Phan Thị Kim Tâm và Nguyễn Nhật Anh mô tả và phân tích việc ứng phó ở địa phương khi trận lũ lịch sử xảy ra. Bài viết thứ nhất đề cập đến trận lũ quét năm 2008 ở huyện Bát Xát, tại khu vực có nhiều người Dao sinh sống. Qua việc mô tả chi tiết về những ứng phó sau lũ, đồng thời xem xét việc lựa chọn đất làm nhà gắn liền với chiến lược sinh kế của người dân sau lũ, trên cơ sở đó đưa ra bốn xu thế ứng phó chính được nhận diện. Cuối cùng, thông qua góc nhìn nhân học mang tính tổng thể, bài viết nhấn mạnh mối liên hệ giữa nhà ở, chuyển cư và sinh kế không phải là điều mới mẻ và mang tính đặc thù của việc phục hồi sau lũ mà đã

có từ lâu trong đời sống người Dao. Bài viết thứ hai là kết quả nghiên cứu tại huyện Bảo Yên (đa số người Tày và người Kinh sinh sống) nơi phải hứng chịu một trận lũ quét lịch sử vào năm 2018. Bài viết nhận diện 8 hành động ứng phó sau thiên tai và đặt chúng trong các “loại hình thích ứng” thường được sử dụng trong những nghiên cứu về ứng phó với diễn biến khí hậu. Để vượt qua phân chia nhị phân và hiểu sâu về các thực hành ứng phó trong bối cảnh cụ thể, bài viết đề xuất nắm bắt chúng thông qua cách tiếp cận “chuỗi liên tục” (continuum approach) giữa các hành động ngoại sinh và nội sinh; các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sau thiên tai; các ứng phó tự phát và có kế hoạch; những thay đổi bắt buộc và tự nguyện.

Ba nghiên cứu tiếp theo được triển khai ở khu vực miền Trung Việt Nam. Nguyễn Công Thảo qua nghiên cứu trường hợp tại huyện A Lưới đã chỉ ra những yếu tố được cho là làm người dân trở nên dễ tổn thương hơn trước thiên tai, qua đó khiến sự ứng phó của họ mang tính thụ động và ngắn hạn, thiếu sự bền vững. Các yếu tố khiến người dân ở xã Lâm Đốt, huyện A Lưới trở nên dễ tổn thương hơn khi phải đối mặt với thiên tai, điển hình là lũ lụt bao gồm: nghèo đói, thực trạng quản lý và sử dụng đất đai và hệ thống thủy lợi. Trong khi nghèo đói đã được nhiều nghiên cứu đi trước đề cập, việc chỉ ra mối liên hệ giữa hệ thống thủy lợi, việc quản lý, sử dụng đất đai với mức độ rủi ro trước thiên tai là đóng góp bổ sung của bài viết này đối với chủ đề nghiên cứu về thiên tai và ứng phó với thiên tai. Đặc biệt, đây là một trong số ít nghiên cứu tập trung vào người dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới, thuộc vùng cao bởi lẽ đa phần các nghiên cứu trước tập trung vào vùng đồng bằng, ven biển hay các thành phố lớn.

Trong nghiên cứu tại xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Công Thảo đã tập trung tìm hiểu định nghĩa của người Bru - Vân Kiều đối với những cá nhân được coi là tinh hoa tại địa bàn sinh sống của mình. Trên cơ sở đó, những phân tích trong bài viết đã xem xét các đóng góp cụ thể mà nhóm này đem lại cho cộng đồng, giúp họ có thêm nguồn lực, năng lực để giảm thiểu thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra. Kết quả phân tích cho thấy tiêu chí để một cá nhân được coi là tinh hoa ở người Bru - Vân Kiều có sự khác biệt so với một số nghiên cứu trước đó. Nhóm tinh hoa đóng vai trò khá tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đa dạng hóa nguồn thu nhập, và thúc đẩy quá trình kiên cố hóa nhà cửa ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, mức độ đóng góp của họ có sự khác biệt giữa các thôn bản.

Nghiên cứu thứ 3 ở vùng miền Trung là của Clara Jullien. Qua nghiên cứu ở các huyện Bình Sơn, Minh Long, Đức Phổ, Nghĩa Hành và Sơn Tịnh (tỉnh Quảng Ngãi), tác giả tập trung tìm hiểu mối quan hệ giữa di cư và các áp lực về môi trường như: hạn hán, sạt lở đất, bão hay suy giảm nguồn hải sản. Qua nghiên cứu điểm ở các khu vực thung lũng ven núi, đồng bằng, ven biển của tỉnh Quảng Ngãi, tác giả đã phác họa cách thức mà những hành vi ứng phó được lồng ghép vào nhiều động thái ở các cấp độ cũng như chỉ ra những nhân tố khác nhau ảnh hưởng tới việc định hình các thực hành ứng phó. Những phân tích trong bài viết cho thấy các lựa chọn của tác nhân xã hội bị chi phối không chỉ bởi mối quan ngại về mặt môi trường mà còn

bởi các động năng về mặt kinh tế, xã hội hay sở hữu đất đai. Tác giả nhấn mạnh rằng di cư là một lựa chọn trong nhiều phương thức ứng phó (phát triển cơ sở hạ tầng, lựa chọn loại mùa vụ, ứng phó về mặt kiến trúc hay tái định cư). Cuối cùng, tác giả thảo luận về những phương thức di cư (giữa mạng lưới xã hội liên cá nhân và các chương trình của Nhà nước) và hàm ý của di cư dưới phương diện chính sách công tại những điểm nghiên cứu.

Bài viết cuối cùng trong số chuyên đề này là kết quả của một nghiên cứu triển khai ở huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Hạn hán và xâm nhập mặn là hai thiên tai chính mà người dân ở đây phải đối mặt. Trong vòng một thập kỷ trở lại đây, tình trạng xâm mặn càng trở nên nghiêm trọng hơn, thường xuyên gây ra tác động lớn đối với cộng đồng địa phương. Olivier Tessier đã mô tả các ứng phó mà chính quyền cũng như người dân đã triển khai và các lộ trình họ có thể theo đuổi. Tác giả tập trung sâu hơn vào trường hợp của đập Ba Lai, được xây dựng với mục đích chống ngập mặn, đồng thời tăng cường khả năng trữ nước ngọt ở vùng thượng lưu. Qua phân tích tác động của đập đối với đời sống, sản xuất, hệ sinh thái, tác giả cung cấp một cách hiểu sâu sắc hơn về việc chính quyền cũng như người dân đã trải nghiệm và nhìn nhận như thế nào về công trình này. Những cách thức ứng phó khác nhau và tư tưởng định mệnh của cộng đồng trong quá trình đối mặt với tác động từ biến đổi khí hậu cũng đã được làm rõ nét hơn.

#### ***2.4. Phát hiện chính của các nghiên cứu***

Kết quả nghiên cứu từ các bài viết đã chỉ ra thực tế rằng không có một khuynh hướng chung trong quá trình ứng phó với thiên tai giữa các cộng đồng, điểm nghiên cứu. Người dân địa phương đã đưa ra những lựa chọn và chiến lược khác nhau không chỉ để ứng phó với thiên tai mà còn để thích ứng với điều kiện kinh tế, xã hội và các chính sách. Các yếu tố này có mối quan hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau. Người dân đưa ra những điều chỉnh hàng ngày mang tính thực tế để phù hợp với các thay đổi và bất định về mặt thị trường, chính sách, điều kiện thời tiết hay bối cảnh xã hội chứ không hề dựa vào một chiến lược phát triển sinh kế giản đơn nào theo kế hoạch. Lựa chọn này phản ánh tính linh hoạt của người dân, qua đó giúp họ đối mặt với những thay đổi khó lường, sự bất định của thời tiết, tăng cường khả năng hồi phục sau thiên tai, qua đó thúc đẩy năng lực ứng phó. Những phát hiện từ các nghiên cứu đã chỉ ra một nghịch lý, theo đó các cộng đồng phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên có thể vừa dễ bị tổn thương hơn, vừa có khả năng chống chịu phục hồi tốt hơn trước khủng hoảng xã hội - môi trường không chỉ ở cấp độ địa phương mà còn ở cấp độ khu vực và toàn cầu trong tương lai (biến đổi khí hậu, suy thoái chất lượng đất, thiếu năng lượng hóa thạch, mất đa dạng sinh học, axit hóa đại dương, nước biển dâng,...). Có thể đặt ra một giả thuyết các nhân tố như sự linh hoạt mang tính mờ mịt, mức độ lập so với thị trường, khả năng tự cung tự cấp có thể cho phép họ thích ứng tốt hơn (hoặc ít thiệt hại hơn) trước những thách thức trong tương lai. Tuy nhiên, nhận định này chỉ dựa trên một số nghiên cứu trường hợp và trực quan ban đầu, cần phải tiếp tục kiểm chứng, phản biện và xem xét cụ thể trong các không gian và thời gian khác. Đây có thể là gợi ý cho các hướng đi trong tương lai liên quan đến chủ đề ứng phó với thiên tai.

### 3. Sự cần thiết của các nghiên cứu trường hợp với phương pháp định tính

Kết quả của các nghiên cứu trường hợp trong số chuyên đề này xác nhận rằng trong bối cảnh diễn biến khí hậu, người dân thường ưu tiên các ứng phó mang tính ngắn hạn hơn là xây dựng các kế hoạch phòng chống dài hạn như có nghiên cứu đã chỉ ra (McElwee, 2017; Huỳnh Thi Lan Hương và cộng sự, 2021). Những biện pháp ứng phó hàng ngày và các phương thức đối phó mang tính thử nghiệm, mảy mò này có thể hiệu quả để ứng phó với sự bất định và tính khó dự đoán của những rủi ro, nhưng có lúc chúng không đủ hiệu quả khi phải đối mặt với những tác động của biến đổi khí hậu trong tương lai (Espagne và cộng sự, 2021). Cần phải thúc đẩy và hỗ trợ những phương thức “thích ứng chủ động” (proactive adaptation), các thực hành phòng ngừa theo kế hoạch. Chính vì thế, giải pháp ứng phó chỉ có thể tối ưu khi được xây dựng dựa trên mô hình chia sẻ thông tin liên quan đến thiên tai, tập huấn những tri thức, kỹ năng cần thiết để nâng cao khả năng dự báo, ứng phó cho người dân (Ngô Quang Sơn, 2019). Khi xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho người dân trước thiên tai hoặc diễn biến thời tiết, ngoài các hỗ trợ về mặt vật chất, kỹ thuật, cần lưu ý tăng cường nâng cao nhận thức, mức cảnh giác của người dân đối với thiên tai và biến đổi khí hậu (Đào Thị Lưu, Lê Văn Hương, 2013); và Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình này. Tuy nhiên, việc thiết kế chính sách để phù hợp với nhu cầu và bối cảnh đa dạng của các địa phương vẫn là thách thức lớn. Như một số bài viết trong số này đã chỉ ra, việc áp dụng một chính sách, biện pháp ứng phó thiên tai cứng nhắc, từ trên xuống có thể không hiệu quả trong bối cảnh đa dạng vùng miền, tộc người. Cộng đồng địa phương luôn có tính đa dạng về văn hóa, khác biệt về điều kiện kinh tế, xã hội và quan niệm về thiên tai cũng như nhận thức về rủi ro. Chính vì thế những chính sách/khuyến nghị sẽ giá trị hơn nếu được cụ thể hóa đến từng nhóm xã hội khác nhau (Vũ Văn Cương, 2019). Hơn thế nữa, phát hiện của các bài viết trong số chuyên đề này đã chỉ ra có những hoạt động ứng phó được thực hành không chỉ xuất phát từ mục tiêu nhằm đối mặt với thiên tai hay thích ứng với hiểm họa hoặc biến đổi khí hậu. Ở cấp độ địa phương, có nhiều động lực và yếu tố khác, ngoài rủi ro môi trường, ảnh hưởng tới việc lựa chọn các chiến lược sinh kế nói chung và ứng phó nói riêng: các hoạt động thích ứng được lồng ghép vào một cảnh huống cụ thể, phức tạp và đa cấp. Chính vì thế, bối cảnh địa phương cần phải được quan tâm khi thiết kế một dự án hay kế hoạch ứng phó với thiên tai.

Từ những phân tích trên, chúng tôi ủng hộ việc triển khai các nghiên cứu định tính ở cấp độ địa phương, sử dụng cách tiếp cận tổng thể và “nghiên cứu đồng hành” (implementation research) nhằm làm cơ sở để thiết kế và điều chỉnh các chính sách ứng phó và quản lý thiên tai. Việc thấu hiểu bối cảnh địa phương, đặc điểm tộc người cũng như xem xét đầy đủ các chính sách ứng phó trong suốt quá trình triển khai giúp đảm bảo rằng các hoạt động can thiệp sẽ hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và phù hợp hơn với năng lực, cảnh huống tại chỗ.

### Tài liệu tham khảo

1. Adger Neil, Kelly P. Mick and Nguyen Huu Ninh (2001), *Living with Environmental Change: Social vulnerability, adaptation and resilience in Vietnam*, London and New York, Routledge.
2. Vũ Văn Cương (2019), *Tri thức cộng đồng dân tộc thiểu số ở Lai Châu ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan trong thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu*, Luận án Tiến sỹ Quản lý tài nguyên và môi trường, Viện Khoa học khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.
3. Dang, H. L., Li, E., Nuberg, I. & Bruwer, J (2019), “Factors influencing the adaptation of farmers in response to climate change: A review”, *Climate and Development*, 11 (9): 765-774.
4. Delisle, S. and Turner, S. (2016), “The Weather Is Like the Game We Play”: Coping and Adaptation Strategies for Extreme Weather Events Among Ethnic Minority Groups in Upland Northern Vietnam, *Asia Pacific Viewpoint*, 57: 351-364.
5. Dwayne Benjamin, Loren Brandt, Brian McCaig (2017), “Growth with equity: income inequality in Vietnam, 2002-14”, *Journal of Economic Inequality*, 15: 25-46.
6. Eckstein, D., Kunzel, V., Schäfer, L., & Wings, M. (2020), *Global Climate Risk Index 2020*.
7. Espagne E. (ed., 2021), *Climate change in Viet Nam, impacts and adaptation: a COP26 assessment report of the GEMMES Viet Nam project*, Paris: AFD. URL: <https://www.afd.fr/en/ressources/gemmes-vietnam-climate-change-impacts-and-adaptation>.
8. Văn Ngân (2022), *Thiên tai trong năm 2022 làm 175 người chết, gây thiệt hại gần 20.000 tỉ đồng*, trên trang <https://vov.vn/xa-hoi/thien-tai-trong-nam-2022-lam-175-nguoi-chet-gay-thiet-hai-gan-20000-ti-dong-post993589.vov> (Truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2023).
9. Ho, Son and Kingsbury, A. (2020), “Community Adaptation and Climate Change in the Northern Mountainous Region of Vietnam: A Case Study of Ethnic Minority People in Bac Kan Province”, *Asian Geographer*, No 37: 33-51.
10. Huynh Thi Lan Huong, Nguyen Tu Anh, Dang Quang Thinh, Pannier Emmanuel, Vu Canh Toan, Tessier O., Nguyen Cong Thao, Phan Phuong Anh, Phan Thi Kim Tam, Nguyen Phuong Thao, Pham Bao Long (2021), “Climate change adaptation policies in Viet Nam: from national perspective to local practices” in: Espagne E. (ed.), *Climate change in Viet Nam, impacts and adaptation: a COP26 assessment report of the GEMMES Viet Nam project*, Paris : AFD, pp. 501-532.
11. IPCC (2014), “Climate Change 2014”, *Synthesis Report. Contribution of Working Groups I, II and III to the Fifth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change* [Core Writing Team, Pachauri, R.K. and Meyer, L.A. (ed.)], Geneva, Switzerland.
12. Đào Thị Lưu, Lê Văn Hương (2013), “Tác động của thiên tai đến sinh kế các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Các khoa học về Trái đất*, Số 4, tr. 342- 348.

13. McElwee, P. (2010), “The Social Dimensions of Adaptation to Climate Change in Vietnam”, *Discussion paper number 12*, The World Bank, Washington, DC, U.S.A.
14. McElwee, P. (2017), “Vietnam’s Urgent Task: Adapting to Climate Change”, *Current History*, 116, 223-229.
15. Nguyen An Thinh & Luc Hens (2019), “Human Ecology of Climate Change Hazards”, in: *Vietnam, Risks for Nature and Humans in Lowland and Upland Areas*, Springer, Switzerland.
16. Reynaud, A., Aubert, C. and Nguyen, Manh-Hung (2013), “Living with Floods: Protective Behaviours and Risk Perception of Vietnamese Households”, *The Geneva Papers*, 38: 547-579.
17. Ngô Quang Sơn (2019), *Phát triển mô hình thông tin, giáo dục và truyền thông nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
18. Tạp chí Khí tượng môi trường (2023), “Thiên tai năm 2022 diễn biến phức tạp, khốc liệt”, *Bộ Tài nguyên môi trường*, trên trang <http://vnmha.gov.vn/kttv-voi-san-xuat-va-doi-song-106/thien-tai-nam-2022-dien-bien-phuc-tap-khoc-liet-13921.html> (Truy cập ngày 5/1/ 2023).
19. Trần Hồng Thái và cộng sự (2022), *Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở Việt Nam*, trên trang <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong...> (Truy cập ngày 8/3/2023).
20. Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam, lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
21. Nguyen Cong Thao (2016), “Maintaining Ethnic Identity and Marching Towards Modernity: Ethnic Minorities and the Dilemma of Development in Vietnam”, *The Regional Journal of Southeast Asian Studies*, Vol 1, Issue 1, pp. 95-116.
22. Nguyễn Công Thảo (Chủ biên, 2020), *Tri thức tộc người trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và người Kơ-me ở tỉnh Cà Mau*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. The World Bank Group and the Asian Development Bank (2020), *Climate Risk Country Profile: Vietnam*, Climate Risk Country Profile.
24. Thanh Tùng (2022), “Thiên tai bất thường, gây thiệt hại lớn”, *Bộ Tài nguyên môi trường*, trên trang <https://monre.gov.vn/Pages/thien-tai-bat-thuong,-gay-thiet-hai-lon.aspx> (Truy cập ngày 15/2/2023).
25. Tran, T. A. (2020), “Learning as an everyday adaptation practice in the rural Vietnamese Mekong Delta”, *Climate and Development*, 12 (7): 610-613.
26. World Bank and Asia Development Bank (2010), *Economics of Adaptation to Climate Change: Vietnam*, Washington, D.C. USA. URL: <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/12747>.